

Số: 795 /QĐ-ĐHKTCN

Cần Thơ, ngày 24 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí cho sinh viên chính quy trình độ đại học
Học kỳ 1 năm học 2026 - 2027

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về chính sách học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Biên bản số 844 /BB-HBKKHT ngày 13 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng Xét học bổng khuyến khích học tập và chế độ chính sách đối với sinh viên về việc xét miễn, giảm học phí cho sinh viên chính quy Học kỳ 1 năm học 2026 - 2027;

Xét đơn xin miễn, giảm học phí của 55 sinh viên chính quy trình độ đại học của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Theo đề nghị của Phòng Công tác Chính trị - Quản lý sinh viên - Khởi nghiệp tại Tờ trình số 15 /TTr-P.QLSV ngày 24 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quyết định miễn, giảm học phí học kỳ 1, năm học 2026 - 2027 cho 55 sinh viên của Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, gồm: giảm 100% học phí cho 12 sinh viên; giảm 70% học phí cho 41 sinh viên, giảm 50% học phí cho 02 sinh viên (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Các ông (bà) Trưởng phòng Phòng Công tác Chính trị - Quản lý sinh viên - Khởi nghiệp, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Trưởng các khoa chuyên ngành và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /*HT*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
 - Lưu VT, QLSV.
- (Hien)



Huỳnh Thanh Nhã

DANH SÁCH SINH VIÊN MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2026 - 2027
(Kèm theo quyết định số: 75/QĐ-HBKKHT ngày 17 tháng 7 năm 2026)

STT	MSSV	Họ	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng xin miễn giảm
ĐỐI TƯỢNG MIỄN 50% HỌC PHÍ					
1	LQCC2311051	Khuất Hoàng Minh Khuê	LQC2311	Phường Cái Khế, Quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	SV có cha mẹ là cán bộ bị tai nạn lao động
2	KHDL2311034	Lê Trương Anh Vỹ	KHDL2311	Ấp 25, Xã Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh	SV có cha mẹ là cán bộ bị tai nạn lao động
ĐỐI TƯỢNG MIỄN 70% HỌC PHÍ					
1	LQCC2211014	Huỳnh Gia Bảo	LQCC2211	ấp Chắc Tung, xã Tài Văn, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
2	CNTP2311031	Lý Nhất Khoa	CNTP2311	Ấp 2, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS xã khu vực III
3	KTHC2311017	Son Thị Tuyết Duy	KTHC2311	ấp Bồ Liên 1, xã Mỹ Hương, thành phố Cần Thơ	V là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
4	CNTP2311067	Mã Ngọc Hiếu	CNTP2311	Khu vực Xẻo me, phường Vĩnh Phước, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
5	TCNH2311040	Huỳnh Phương Mỹ Anh	TCNH2311	Ấp Kiết Lợi, xã Lâm Tấn, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
6	KHDL2311013	Lâm Hoàng Phúc	KHDL2311	ấp Chắc Tung, xã Tài Văn, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
7	KHMT2311059	Lý Triệu Vỹ	KHMT2311	Ấp An Ninh 2, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
8	LUAT2511029	Lưu Trường Thành	LUAT2511	Ấp 4, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
9	QLCN2511036	Son Trần The	QLCN2511	ấp An Thành, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
10	LQCC2411031	Thạch Vũ Duy	LQCC2411	Ấp Bưng Triết, xã Liêu Tú, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
11	CNTP2411039	Son Thị Thu Hương	CNTP2411	Ấp Nước Mặn 2, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
12	CNSH2511005	Son Thị Nhật Hồng	CNSH2511	khu vực Biển Trên A, phường Vĩnh Phước, TPCT	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
13	CNDT2511074	Trần Minh Quân	CNDT2511	khu vực Biển Trên A, phường Vĩnh Phước, TPCT	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
14	CNTP2411014	Trần Thanh Thảo	CNTP2411	Ấp An Ninh 1, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
15	CNTT2511010	Danh Tiến Đạt	CNTT2511	Ấp Ngã Bấc, xã Xà Phiên, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
16	CNDD2511038	Danh Hạo	CNDD2511	Ấp 11, xã Lương Tâm, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
17	QTKD2511036	Thạch Thị Kim Su Giang	QTKD2511	Khu vực Cà Lãng A Biển, phường Vĩnh Châu, TPCT	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
18	CNDT2411028	Lý Thị Ái Tường	CNDT2411	Ấp Kiết Lợi, xã Lâm Tấn, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
19	KTHC2511019	Lâm Thành Phúc	KTHC2511	Ấp Đào Viên, xã Liêu Tú, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
20	KHMT2411047	Lý Minh Toàn	KHMT2411	Ấp Sóc Mới, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn

STT	MSSV	Họ	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng xin miễn giảm
21	CNDT2411023	Tăng Huỳnh Phú	CNDT2411	Xã Lâm Tân, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
22	CNCD2511052	Phạm Thiện Hạo	CNCD2511	Ấp Hiệp Hòa Tây, xã Thanh Tùng, tỉnh Cà Mau	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
23	CNDT2511050	Chau Đa Nết	CNCD2511	Tổ 4, Ấp Vĩnh Tây, xã An Cư, tỉnh An Giang	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
24	NGNA2511052	Trương Hà My	NGNA2511	khóm Vĩnh Thành, phường Vĩnh Phước, TPCT	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
25	LQCC2311057	Sơn Thị Ngọc Tuyền	LGCC2311	Ấp Phước Phong, xã Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS xã khu vực III
26	CNDD2511058	Phạm Văn Minh	CNDD2511	Thôn 13, xã Thọ Bình, tỉnh Thanh Hóa	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
27	CNDD2511040	Diệp Khải Minh	CNDD2511	ấp 2, thị trấn Long Phú, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS xã khu vực III
28	CNDD2511021	Lý Hoàng Hua	CNDD2511	Ấp Phước Thuận, xã Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
29	NGNA2411077	Kim Nhật Tùng	NGNA2411	khu vực Nước Mặn 2, xã Long Phú, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
30	CNTP2311027	Nguyễn Đăng Ngọc Quý	CNTP2311	Ấp Trà Canh A2, xã Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
31	TCNH2511011	Lý Thị Bích Ngọc	TCNH2511	Ấp Kiết Lập B, xã Lâm Tân, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
32	QTKD2411050	Nguyễn Dương Bảo Ngọc	QTKD2411	Ấp Xung Thum A, xã Lai Hòa, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
33	CNTT2511094	Khuu Hồng Thu	CNTT2511	Ấp An Ninh 1, xã Kế Sách, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS xã khu vực III
34	CNCD2411001	Danh Bé Tài	CNCD2411	Ấp Giồng Đá, xã Giồng Riềng, tỉnh An Giang	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
35	QLCN2411059	Thạch Minh Thương	QLCN2411	Ấp Giồng Nổi, xã Vĩnh Hải, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
36	KETO2311062	Thạch Thị Ái Liên	KETO2311	Ấp Giồng Nổi, xã Vĩnh Hải, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS hộ Cận nghèo
37	KTPM2411009	Vương Hữu Trí	KTPM2411	Ấp Châu Thành, xã Lịch Hội Thượng, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS xã khu vực III
38	TCNH2411065	Danh Chí Hữu	TCNH2411	Tổ 17, ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, tỉnh An Giang	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
39	TCNH2311042	Danh Trí Tài	KTPM2411	Tổ 16, ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, tỉnh An Giang	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
40	TCNH2311042	Huỳnh Trường Lâm	TCNH2311	Tổ 17, ấp Vàm Răng, xã Sơn Kiên, tỉnh An Giang	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn
41	KTHC2311053	Châu Ly Hua	KTHC2311	Ấp Tắc Bướm, xã Thạnh Thới An, thành phố Cần Thơ	SV là DTTS ở vùng KT-XH đặc biệt khó khăn

ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIẢM 100% HỌC PHÍ

1	CNTP2211012	Nguyễn Thị Cẩm Ngân	CNTP2211	Ấp Hồi Tường, xã Xuân Hiệp, tỉnh Vĩnh Long	Con thương binh
2	KTNL2311010	Nguyễn Chí Hường	KTNL2311	Ấp Ninh Thạnh, Xã Ninh Quới, Tỉnh Cà Mau	Con thương binh
3	CNTT2311022	Nguyễn Thái Tuyền	CNTT2311	phường Cái Khế, thành phố Cần Thơ	Con bệnh binh
4	CNSH2211004	Trịnh Thị Anh Thu	CNSH2211	Mỹ Lộc, phường An Bình, thành phố Cần Thơ	Sinh viên là người khuyết tật
5	TCNH2311034	Ngô Thị Ngọc Như	TCNH2311	Xã An Lạc Thôn, thành phố Cần Thơ	SV không có nguồn nuôi dưỡng thuộc ĐT BTXH
6	CNDD2311081	Trần Minh Đức	CNDD2311	Ấp Trà Canh A2, xã Thuận Hòa, thành phố Cần Thơ	SV không có nguồn nuôi dưỡng thuộc ĐT BTXH

STT	MSSV	Họ	Lớp	Hộ khẩu thường trú	Đối tượng xin miễn giảm
7	QTKD2311070	Đỗ Thảo Linh Chi	QTKD2311	Xã Đại Hải, thành phố Cần Thơ	Con thương binh
8	CNTT2411077	Nguyễn Trí Tín	CNTT2411	Ấp Giồng Chùa, xã An Ninh, thành phố Cần Thơ	Sinh viên là người khuyết tật
9	CNDD2511087	Trần Văn Hoàng	CNDD2511	Khóm Đại Rung, phường Vĩnh Châu, TPCT	SV là DTTS hộ Cận nghèo
10	CNCD2511038	Lê Chí Khang	CNDD2511	Tổ 22, ấp Phú Hòa A, xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp	SV không có nguồn nuôi dưỡng thuộc DT BTXH
11	CNSH2511016	Nguyễn Tuấn Khải	CNSH2511	Phường Châu Đốc, tỉnh An Giang	Con thương binh
12	KHMT2311023	Trần Nhựt Hòa	KHMT2311	Xã Hòa Long, tỉnh Đồng Tháp	Sinh viên là người khuyết tật

ngf

